

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHẬP CẦU THƯƠNG MẠI NHẬT VIỆT EBISU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHẬP CẦU THƯƠNG MẠI NHẬT VIỆT EBISU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EBISU JAPAN VIET NAM TRADING BRIDGE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: EBISU VJ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109741912

**3. Ngày thành lập:** 08/09/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 86 phố Linh Lang, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0796185582

Fax:

Email: [vjma86@gmail.com](mailto:vjma86@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn tổng hợp<br>Trừ loại Nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690        |
| 2.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                              | 4719        |
| 3.  | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                    | 4799        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                   | 4610        |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4632        |
| 6.  | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8551        |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế | 4649(Chính) |
| 8.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ đầu giá)                                                                                                                                                                                                                         | 4791        |
| 9.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong<br>các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                       | 4772        |
| 10. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                     | 5210        |
| 11. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224        |
| 12. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                          | 5225        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                          | 8299        |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                        | 8230        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                              | 5229        |
| 17. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                   | 1079        |

**6. Vốn điều lệ:** 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 3.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                     | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGÔ THỊ<br>NGỌC MAI | Số nhà 20, ngõ 58<br>phố Đào Tấn,<br>Phường Cống Vị,<br>Quận Ba Đình,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.020.0<br>00 | 10.200.000.000           | 34,000       | C6837047                                                                                                               |            |
|     |                     |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                        | Tổng số                            | 1.020.0<br>00 | 10.200.000.000           | 34,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THANH<br>HOÀN  | Thôn 5, Xã Liên<br>Hòa, Thị xã<br>Quảng Yên, Tỉnh<br>Quảng Ninh, Việt<br>Nam                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 990.000       | 9.900.000.000            | 33,000       | 0220850055<br>85                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                        | Tổng số                            | 990.000       | 9.900.000.000            | 33,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                        |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                      |                                    |         |               |        |           |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 3 | BÙI HUY<br>KHUÔNG | T26K3, Phường<br>Cao Thắng,<br>Thành phố Hạ<br>Long, Tỉnh<br>Quảng Ninh, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 990.000 | 9.900.000.000 | 33,000 | 100794356 |
|   |                   |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                   |                                                                                      | Tổng số                            | 990.000 | 9.900.000.000 | 33,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGÔ THỊ NGỌC MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 25/04/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C6837047

Ngày cấp: 27/02/2019 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 20, ngõ 58 phố Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 20, ngõ 58 phố Đào Tấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội